TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20-6-2019
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hiến

Ông Lê Văn Vững

Thư ký phiên tòa***:*** Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Tùng L, sinh năm 1974.

- Bị đơn: Lê Thị L (L) sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp MN 2, xã MQ, huyện TM, Đồng Tháp.

(Anh L, chị L vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn anh Nguyễn Tùng L trình bày*: Anh L và chị L chung sống với nhau năm 1995, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Nhưng thời gian sau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về chuyện tình cảm, lý do chị L sống rất vô tâm với gia đình anh, chị L rất tính toán nên vợ chồng thường xuyên bất hòa, nhiều lần anh nói chuyện với chị L mong chị L suy nghĩ lại nhưng càng ngày mâu thuẫn càng nhiều hơn, chị L không tôn trọng anh, mọi việc lớn nhỏ trong gia đình chị L đều tự quyết định không bàn bạc với anh. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn như trước dù nhiều lần cho nhau

cơ hội hàn gắng nhưng không được. Nhận thấy hạnh phúc hôn nhân không đạt được cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nay anh Lyêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị L.

- Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Yến N sinh ngày 08/10/1996 và Nguyễn Thị Triệu V, sinh ngày 09/7/2003. Yến N đã trưởng thành tự lao động sinh sống được không yêu cầu Tòa án giải quyết. Triệu V hiện tại đang sống với chị L (L) sau khi ly hôn anh đồng ý để chị L (L) tiếp tục nuôi Triệu V, anh không cấp dưỡng;

- Về quan hệ tài sản: Không có;

- Về nợ: Không có.

Theo tờ tự khai ngày 29 tháng 5 năm 2019 bị đơn chị Lê Thị L trình bày: Thống nhất thời gian chung sống cũng như việc vợ chồng không đăng ký kết hôn như anh L trình bày, trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh Lcờ bạc gây nợ nần, nay anh L yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

- Về nuôi con chung: Thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 08/10/1996 và Nguyễn Thị Triệu V, sinh ngày 09/7/2003. Yến N đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Triệu V hiện tại đang sống với chị L (L) sau khi ly hôn chị L (L) yêu cầu được nuôi Nguyễn Thị Triệu V, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản: Không có;

- Về nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị L (L) là bị đơn trong vụ kiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấpMỹ Nam 2, xã Mỹ Quí, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười. Chị Lê Thị L (L) là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa sơ thẩm. Nhưng chị Li (L) có làm đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội và quy định của pháp luật nên căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị L (L).

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh L, chị L đều thống nhất chung sống với nhau năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống thì anh L cho rằng chị L sống rất vô tâm với gia đình anh, chị L rất tính toán nên vợ chồng thường xuyên bất hòa, nhiều lần anh nói chuyện với chị L mong chị L suy nghĩ lại nhưng càng ngày mâu thuẫn càng nhiều hơn, chị L không tôn trọng anh, mọi việc lớn nhỏ trong gia đình chị L đều tự quyết định không bàn bạc với anh. Còn chị L thì cho rằng do anh Lcờ bạc gây nợ nần nên xảy ra mâu thuẫn. Việc anh L xin ly hôn với chị L Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù việc sống chung của anh L và chị L đều được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng anh L, chị L đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng.

Căn cứ vào khoản 1 điều 14 Luật Hôn Nhân Gia Đình có quy định:

" *1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....*" và khoản 2 điều 53 Luật Hôn Nhân Gia Đình cũng có quy định: " *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....*". Do đó, không công nhận anh Nguyễn Tùng L và chị Lê Thị L là vợ chồng do không có đăng ký kết hôn.

[3] Quan hệ nuôi con: Anh L, chị L thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 08/10/1996 và Nguyễn Thị Triệu V, sinh ngày 09/7/2003. Yến N đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Triệu V hiện tại đang sống với chị L (L) sau khi ly hôn chị L (L) yêu cầu được nuôi Nguyễn Thị Triệu V, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Anh Lâm đồng ý để chị L tiếp tục nuôi Nguyễn Thị Triệu V, sinh ngày 09/7/2003, anh không cấp dưỡng;

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Anh L, chị L có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh Lâm được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Quan hệ tài sản: Không có.

[5] Về nợ: Không có;

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Tùng L phải chịu 300.000 tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu số 0007796 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Anh L đã nộp xong.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Tùng L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Chị Lê Thị L (L) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Áp dụng Điều 14, 53, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 35, 39, Điều 227, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Tùng L và chị Lê Thị L (L) là vợ chồng.

- Về quan hệ nuôi con: Chị Lê Thị L (L) được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Triệu V, sinh ngày 09/7/2003, chị L không yêu cầu anh Nguyễn Tùng L cấp dưỡng. Riêng Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 08/10/1996 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Tùng L và chị Lê Thị L (L) có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh ĐỗNguyễn Tùng L được quyền thăm con.

- Về quan hệ tài sản: Không có.

- Về nợ: Không có

- Về án phí: Anh Nguyễn Tùng L phải chịu 300.000 tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu số 0007796 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Anh L đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Tùng Lcó quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Chị Lê Thị L (Lcó quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND Tỉnh;
-VKSND cùng cấp;
-Chi cục THADS Huyện;
-Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
-Đương sự;
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Trang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Diệu